

Số: 20 /KH-UBND

Thái Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại của các Chủ nguồn thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600kg/năm trên địa bàn tỉnh Thái Bình

I. THỰC TRẠNG PHÁT SINH, QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại chủ yếu từ các lĩnh vực sau:

1. Lĩnh vực y tế

Tuyên tỉnh có 10 bệnh viện, trong đó có 01 Bệnh viện Đa khoa tỉnh, 01 Trung tâm Vận chuyển cấp cứu 115 và 08 Bệnh viện chuyên khoa bao gồm: Phụ sản, Nhi, Y học cổ truyền, Tâm thần, Phổi, Phong - Da liễu Văn Môn, Điều Dưỡng - Phục hồi chức năng, Mắt; tuyên huyện có 12 bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện, thành phố bao gồm BVĐK: Thành phố, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Nam Tiền Hải, Đông Hưng, Thái Thụy, Thái Ninh, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Hưng Hà và Hưng Nhân.

Khối y tế dự phòng: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Da liễu, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Giám định pháp y, Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và 08 Trung tâm Y tế tuyên huyện, thành phố. Tuyên xã có 286 Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Cơ sở y tế tư nhân: Bệnh viện Đa khoa tư nhân Lâm Hoa, Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàng An và 116 cơ sở y tế tư nhân tham gia vào công tác khám, chữa bệnh và cung ứng các dịch vụ y tế khác, các cơ sở này đều là các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa, thực hiện một số kỹ thuật y tế và các dịch vụ cận lâm sàng phục vụ cho chuẩn đoán và điều trị.

Tổng khối lượng chất thải y tế (CTYT) phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa tỉnh Thái Bình khoảng 2.675,305 tấn/năm ($\approx 7.329,602$ kg/ngày), trong đó 414,959 tấn/năm ($\approx 1.136,873$ kg/ngày) chất thải rắn y tế nguy hại (Chi tiết tại Phụ lục 1).

Thành phần chất thải y tế nguy hại bao gồm: Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm, chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm, chất gây độc tế bào và chất thải chứa kim loại nặng (Chi tiết tại Phụ lục 2).

2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Trên địa bàn tỉnh có khoảng 35 cơ sở sản xuất, kinh doanh có số lượng chất thải nguy hại phát sinh lớn hơn 600 kg/năm; khoảng 650 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600 kg/năm, với tổng lượng CTNH khoảng 22.746 kg/năm, thuộc các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; gồm:

- Sản xuất cơ khí: Có 22 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình 125 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu, que hàn, xỉ hàn, cặn sơn phủ bề mặt...;

- Sản xuất dệt, may: Thái Bình hiện có 45 doanh nghiệp có quy mô công nghiệp (trong tổng số khoảng 234 doanh nghiệp hoạt động sản xuất dệt may và da giày), với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 42 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng...;

- Sản xuất vật liệu xây dựng: Có 24 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 50 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình giao thông: Có 12 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu, nhớt thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất điện tử, năng lượng: Có 08 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 120 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu máy biến áp thải và giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 90 doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và 03 doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là cặn dầu thải, nước thải nhiễm dầu và giẻ lau nhiễm dầu.

- Sản xuất chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ: Có 22 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 240 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, dầu mỡ bôi trơn thải, giẻ lau có nhiễm dầu, bùn nghiền đánh bóng.

- Sản xuất chế biến, nuôi trồng thủy sản: Có 19 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 100 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, bao bì đựng hóa chất thải, dầu nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu...;

- Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi: Có 09 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 10 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là

bao bì đựng hóa chất thải trong chế biến thức ăn chăn nuôi, hóa chất chống mốc...;

- Sản xuất, kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật: Có khoảng 120 cơ sở (trừ các điểm kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhỏ lẻ), với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 25 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là bao bì đựng phân thuốc bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng...;

- Sản xuất bao bì, in ấn: Có 09 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 24 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang, máy vi tính hỏng...;

- Các nhóm ngành khác (chợ, dịch vụ sửa ô tô, xe máy,...): Trên 300 cơ sở, với lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 10 -15 kg/cơ sở/năm và thành phần chủ yếu là dầu, nhớt thải, giẻ lau có nhiễm dầu, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin...

3. Từ hoạt động sinh hoạt

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trung bình mỗi xã khoảng 1,5 - 1,8 tấn/ngày, thị trấn 4,5 - 6 tấn/ngày, thành phố Thái Bình 130 tấn/ngày, tổng lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay khoảng 620 tấn/ngày; trong đó có khoảng 0,7% ($\approx 4,34$ tấn/ngày) tổng lượng rác thải sinh hoạt có chứa thành phần nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; các chất thải nguy hại chủ yếu: Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in thải, pin đã qua sử dụng, chai lọ đựng hóa chất nguy hại... (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

CTNH phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày được các hộ gia đình thải bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường và được thu gom, xử lý như rác thải sinh hoạt thông thường. Các xã, thị trấn đầu tư khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung đã bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại. Tuy nhiên, việc lưu giữ chất thải nguy hại tại các khu xử lý rác chưa được đúng quy định; nhiều khu xử lý rác thải, chất thải nguy hại được lưu giữ nhiều năm nhưng không được xử lý do không có nguồn kinh phí hoặc không ký được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý do khối lượng ít.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị nào thực hiện việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở để xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Lượng chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh đều được chuyển giao cho các đơn vị xử lý chất thải nguy hại thuộc các tỉnh (Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa...) thu gom, vận chuyển và xử lý. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường cho thấy chỉ có các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh lượng CTNH với khối lượng lớn là thực

hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có số lượng CTNH phát sinh với khối lượng nhỏ (≤ 600 kg/năm) gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý, hầu hết số lượng chất thải nguy hại phát sinh vẫn được thu gom, lưu giữ tại cơ sở.

Đối với chất thải rắn y tế nguy hại, hiện tại đang áp dụng đồng thời 2 mô hình xử lý (Mô hình xử lý tại chỗ và thuê đơn vị có đủ chức năng theo quy định để xử lý). Tuy nhiên, với 02 mô hình xử lý trên chất thải y tế nguy hại vẫn chưa được xử lý triệt để, nguyên nhân là do mô hình xử lý tại chỗ áp dụng phương pháp đốt bằng lò đốt đầu tư từ nguồn Trái phiếu Chính phủ cho 13/21 bệnh viện của tỉnh (Bệnh viện phổi; Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn; các BVĐK tuyến huyện: Hưng Hà, Hưng Nhân, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Thái Thụy, Thái Ninh, Đông Hưng, Kiến Xương, Tiền Hải, Nam Tiền Hải, Vũ Thư), chất thải sau xử lý chưa đảm bảo quy chuẩn quy định và hầu hết các lò đốt đã xuống cấp hoặc hư hỏng; các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế xã, phường, thị trấn còn lại không được đầu tư lò đốt thì thực hiện ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ chức năng theo quy định để xử lý, song việc ký hợp đồng chỉ được thực hiện ở một số bệnh viện có khối lượng phát sinh chất thải nguy hại lớn (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ Sản...), còn các cơ sở khám chữa bệnh (kể cả cơ sở y tế tư nhân), trạm y tế xã, phường, thị trấn chưa ký hợp đồng do số lượng chất thải nguy hại phát sinh ít, lại ở cách xa nhau, khó khăn cho thu gom, nên đơn vị có đủ năng lực nhận chuyển giao, xử lý không tiến hành ký hợp đồng, vì ký sẽ không có lợi nhuận hoặc giá thành vận chuyển, xử lý cao; nên chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở khám chữa bệnh, trạm y tế vẫn được xử lý như chất thải thông thường hoặc chôn tại quỹ đất của trạm y tế.

Từ thực trạng nêu trên, thực hiện Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 654/TTr-STNMT ngày 19/12/2017, Công văn số 76/STNMT-CCMT ngày 11/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại của các Chủ nguồn thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600/kg năm trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại;

- Từng bước nâng cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh trong công tác thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có số lượng chất thải nguy hại phát sinh thấp hơn 600kg/năm được chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có giấy phép xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là đơn vị xử lý CTNH) thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định; giảm chi phí trong việc thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với đơn vị xử lý CTNH đối với từng cơ sở sản xuất, kinh doanh; các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh.

2.2. Yêu cầu:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại các bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm khám chữa bệnh, các trạm y tế xã, phường, thị trấn; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Các chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải thực hiện thu gom, phân loại chất thải nguy hại theo đúng mã, lưu giữ trong khu lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT trước khi chuyển giao cho đơn vị vận chuyển, xử lý hoặc vận chuyển về cơ sở cụm xử lý.

3. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

3.1. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại:

3.1.1. Danh mục và mã chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 (A) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

3.1.2. Thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại: